TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YD** **TỈNH BG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **18**/2023/QĐST-DS	*YD, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 12 và khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thụ lý số 16/2023/TLST-DS ngày 06 ngày 02 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP VNTV

Địa chỉ trụ sở: Số 89, đường LL, phường LL, quận DD, thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông NCD. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông PTA. Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý Ngân hàng TMCP VNTV theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ - HDDQT ngày 07/7/2020.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông NNH, sinh năm 19X0. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của Trung tâm xử lý nợ pháp lý Ngân hàng TMCP VNTV; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện LG, tỉnh BG theo văn bản ủy quyền số 202/2022/UQ-VPB ngày 15/12/2022.

- ***Bị đơn:*** Bà NTT, sinh năm 19X3; địa chỉ: Thôn S, xã NH, huyện YD, tỉnh BG.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà NTT có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP VNTV toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 3.563.461.551 đồng *(Ba tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm năm mốt đồng)*, trong đó số tiền gốc là 2.672.973.092 đồng *(Hai tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu chín trăm bảy ba nghìn không trăm chín hai đồng)* và số tiền lãi là 890.488.450 đồng *(Tám trăm chín mươi triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng)* theo các Hợp đồng tín dụng gồm: hợp đồng cho vay hạn mức số LN2104223645439 và khế ước nhận nợ cùng ngày 23/4/2021; giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 23/4/2021 (hợp đồng thẻ tín dụng số 374-P-7756810) và giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/4/2021.

2.2. Thời gian trả nợ như sau: Ngày 30/9/2023 bà NTT trả cho Ngân hàng TMCP VNTV toàn bộ số tiền 3.563.461.551 đồng *(Ba tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm năm mốt đồng)* và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi bà Tuyết tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Trường hợp bà NTT vi phạm kỳ hạn trả nợ thì Ngân hàng TMCP VNTV được quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án và Ngân hàng được đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 341; tờ bản đồ số 05; địa chỉ: Thôn X, xã NH, huyện YD, tỉnh BG; diện tích 140.2m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 539361, vào sổ cấp GCN số C502708 T122 Q2 2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BG cấp cho bà NTT ngày 09/02/2021 (nguồn gốc sử dụng: nhận thừa kế được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202/HĐTC-2021 ngày 16/3/2021 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 23/4/2021.

2.4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày Toà án lập hòa giải thành (ngày 01/7/2023) người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất như trong các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2104223645439 và khế ước nhận nợ cùng ngày 23/4/2021; giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và

sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 23/4/2021 (hợp đồng thẻ tín dụng số 374-P-7756810) và giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/4/2021 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

2.5. Về chi phí tố tụng: Bà NTTphải chịu 900.000 đồng *(Chín trăm nghìn đồng)* chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP VNTV được nhận lại số tiền 900.000 đồng *(Chín trăm nghìn đồng)* khi bà NTTnộp lại.

2.6. Về án phí:

2.6.1. Bà NTTphải chịu 25.817.307 đồng *(Hai mươi lăm triệu tám trăm mười bảy nghìn ba trăm linh bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

2.6.2. Trả lại Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 48.030.000 đồng *(Bốn mươi tám triệu không trăm ba mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009850 ngày 03/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh BG.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

NTTH